

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG LÀO

Người liên hệ: Nguyễn Nam
Tel: 04.35742022 (máy lẻ 247)
Email: namn@vcci.com.vn

3.2018



HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG LÀO

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	2
1. Các thông tin cơ bản	2
2. Lịch sử	3
3. Tập quán:	3
II. KINH TẾ	4
1. Tổng quan:	4
2. Các chỉ số kinh tế:.....	5
3. Thuận lợi và khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình đầu tư tại Lào:	7
III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:	7
1. Hợp tác thương mại	7
2. Về viện trợ không hoàn lại của ta cho Lào	9
3. Tình hình đầu tư:.....	9
4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:	10
IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM.....	10
1. Quan hệ ngoại giao:	10
2. Quan hệ chính trị:	10
3. Các văn kiện đã ký:.....	11
V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI.....	12
VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH	13

PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Lào

Bảng 2. Nhập khẩu VN – Lào



I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên đầy đủ:	Cộng Hòa Dân chủ Nhân dân Lào
Thể chế chính trị:	Lào đang trong giai đoạn xây dựng và phát triển chế độ Dân chủ Nhân dân, tạo tiền đề để từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.
Thủ đô:	Viên chăn
Ngày quốc khánh:	19 tháng 7 năm 1949
Đứng đầu nhà nước:	Chủ tịch nước BOUNNYANG Vorachit (tháng 4/2016)
Đứng đầu chính phủ:	Thủ tướng THONGLOUN Sisoulit (tháng 4/2016)
Các đảng phái chính trị:	Đảng Cách mạng Nhân dân Lào hoặc LPRP [BOUNNYANG Vorachit]
Thành viên của các tổ chức quốc tế:	ADB, ARF, ASEAN, CP, EAS, FAO, G-77, IBRD, ICAO, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCs, ILO, IMF, Interpol, IOC, IPU, ISO (subscriber), ITU, MIGA, NAM, OIF, OPCW, PCA, UN, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UNWTO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO (observer)
Diện tích:	236,800 km ²
Khí hậu:	nhiệt đới gió mùa, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4.
Tài nguyên:	gỗ, khí đốt, thạch cao, thiếc, đá quý
Thủ đô:	Viên chăn
Dân số:	7.1 triệu người
Tuổi trung bình:	22.7 tuổi



Dân tộc:	Lào (55%), Khmou (11%), Hmong (8%), hơn 100 dân tộc thiểu số khác (26%)
Tôn giáo:	Phật giáo (67%), Thiên chúa giáo (1.5)
Ngôn ngữ :	Lào, Pháp, Anh và một số tiếng dân tộc
Tỉ giá Kips/USD:	Kips (LAK) và US dollar – 8,231 (2017); 8,190.2 (2016), 8,147.9 (2015); 8,147.9 (2014); 8,049 (2013); 8,007.3 (2012); 8,043.7 (2011); 8,258 (2010); 8,516 (2009).

2. Lịch sử

Năm 1893, thực dân Pháp xâm chiếm Lào.

Ngày 12-10-1945, nước Lào độc lập.

Đầu năm 1946, thực dân Pháp quay lại xâm lược Lào.

Tháng 7-1954, Pháp ký Hiệp định Geneva công nhận nền độc lập của Lào.

Từ năm 1955, Mỹ gây chiến tranh chống lại nhân dân Lào.

Ngày 21-2-1973, Hiệp định Vientiane lập lại hòa bình và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào được ký kết giữa Mặt trận yêu nước Lào và phái hữu Vientiane.

Ngày 2-12-1975, Đại hội Đại biểu Nhân dân Lào họp ở Vientiane tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Lào chấm dứt chế độ quân chủ sáu thế kỷ và thiết lập quan hệ chặt chẽ gắn gũi với Việt Nam. Sự trở lại dần dần, hạn chế đối với doanh nghiệp tư nhân và tự do hóa các luật đầu tư nước ngoài bắt đầu năm 1988. Lào trở thành thành viên của ASEAN vào năm 1997 và WTO vào năm 2013.

Chính sách đối ngoại: Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ; sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước; thắt chặt quan hệ hợp tác với các nước láng giềng có chung biên giới; tăng cường tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện với Việt Nam.

3. Tập quán:

Người Lào thẳng thắn, cởi mở và thân thiện. Họ rất coi trọng sự lịch sự và tôn trọng. Người Lào chào hỏi nhau bằng cách đặt lòng bàn tay lên ngang ngực người kia (ở vị trí cầu nguyện), nhưng không được chạm vào cơ thể. Tay càng đặt lên cao, thì càng bày tỏ sự tôn trọng. Tuy nhiên, tay không được đưa lên cao hơn mũi. Khi chào kèm theo cúi nhẹ người thể hiện sự tôn trọng với người chức vụ hoặc tuổi tác cao hơn. Đây cũng là cách biểu hiện cảm ơn, hối tiếc, hoặc tạm biệt. Đối với người phương Tây, họ sẵn sàng bắt tay.

Không bao giờ được dùng chân để chỉ hoặc chạm vào người khác.

4. Du lịch:



Trái ngược với các nước trong khu vực, nơi du lịch đang bùng nổ, Lào đã phải đối mặt với một sự sụt giảm khách du lịch 9,1% trong chín tháng đầu năm 2017. Số lượng khách du lịch nước ngoài đã giảm trong thời gian này chỉ còn hơn 2.88 triệu người. Khách du lịch nước ngoài trong cả năm 2017 dự kiến giảm 11,2% so với năm 2016, sau khi giảm 10% năm ngoái.

http://www.vientianetimes.org.la/FreeContent/FreeContent_Tourist.php

Thống kê về du lịch các năm trước đây:

Năm 2016, lượng khách quốc tế đến Lào năm 2016 chỉ đạt 4.23 triệu lượt, giảm 10% so với 2015, đây là mức giảm lần đầu tiên trong nhiều năm liên tục tăng trưởng gần đây. Du lịch của Lào giảm do một số nguyên nhân như: Thái Lan hiện có chương trình khuyến khích người Thái du lịch trong nước, giá cả tăng cao, Lào cũng chưa có những chương trình quảng cáo du lịch hiệu quả.

http://www.vientianetimes.org.la/sub-new/Previous_064/FreeContent/FreeContent_Foreign.htm

Sang năm 2015, có 4.3 triệu lượt khách tới Lào, tăng 4.88% so với năm 2014. Lào thu về 670 triệu USD từ khách du lịch (theo Bộ Thông tin, Văn Hóa, Du lịch của Lào).

http://www.vientianetimes.org.la/FreeContent/FreeContent_Tourist.htm

Năm 2014, Lào đã đón tiếp hơn 4.15 triệu lượt khách quốc tế, tăng khoảng 10% so với năm 2013. Lượng khách du lịch từ Thái Lan đến Lào là lớn nhất với hơn 2 triệu lượt người, sau đó là Việt Nam với hơn 1.1 triệu lượt người vào năm 2014.

http://www.vientianetimes.org.la/FreeContent/FreeContent_Tourist.htm

Năm 2013, đã có khoảng 3.78 triệu lượt khách nước ngoài tới Lào (vượt cả con số kế hoạch mong đợi 3.5 triệu lượt vào năm 2014) tăng mạnh so với năm 2012 chỉ đạt 3.3 triệu lượt khách. Du lịch đóng góp cho nền kinh tế Lào ước tính 513.5 triệu USD. Lượng khách quốc tế tới Lào nhiều nhất trong năm qua là Thái Lan với hơn 2 triệu lượt khách, tức là chiếm hơn 1 nửa tổng số khách quốc tế tới Lào. Trong năm 2013, Hội đồng Châu Âu về Du lịch và Thương mại (ECTT) đã trao giải thưởng “Địa điểm du lịch tốt nhất thế giới năm 2013” cho Lào và đã giúp đất nước này phát triển du lịch một cách ấn tượng.

http://www.vientianetimes.org.la/FreeContent/FreeContent_39.htm

II. KINH TẾ

1. Tổng quan:

Chính phủ Lào bắt đầu có các chính sách cải cách kinh tế, giảm tập trung khuyến khích kinh tế tư nhân kể từ năm 1986. Nhờ có những biện pháp đổi mới này mà tốc độ tăng trưởng đã đạt 6% kể từ năm 88 đến 2008 (một vài năm bị ảnh hưởng cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 2007). Năm 2009, GDP Lào đã đạt mức tăng trưởng 6.5%. Mặc dù có tốc độ phát triển kinh tế khá quan, cơ sở vật chất hạ tầng của Lào vẫn còn yếu kém, đặc biệt là khu vực nông thôn, Hệ thống đường xá còn rất sơ khai, viễn thông, điện còn chưa cung cấp đầy đủ đến các vùng sâu vùng xa. Tính đến năm 2011, Kinh tế Lào vẫn chủ yếu dựa vào nông nghiệp với tỷ trọng hơn 27.8% tổng số GDP và là nguồn cung cấp lao động chính (hơn 70%). Trong nửa cuối 2008 đầu 2009 Lào đã nhận khoảng 560 triệu đô la tiền viện trợ. Tỷ lệ đói nghèo giảm từ 46%



năm 1992 xuống 26% năm 2010. Nhờ có đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nhiệt điện, khai khoáng, xây dựng, nền kinh tế đã có những bước tiến đáng kể.

Lào đã đạt được bình thường hóa quan hệ thương mại với Hoa Kỳ vào năm 2004 để chuẩn bị gia nhập Tổ chức kinh tế thế giới WTO. Năm 2016, Lào đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN, đạt mức GDP gần 41 tỷ USD, tăng trưởng GDP 7.5%. Cơ chế đầu tư đơn giản, mở rộng tín dụng ngân hàng cho tiểu nông và doanh nghiệp nhỏ sẽ góp phần giúp kinh tế Lào phát triển tốt, thu hút thêm nhà đầu tư nước ngoài, phát triển các đặc khu kinh tế với những ưu đãi về thuế, tuy nhiên lực lượng lao động của Lào còn hạn chế là trở ngại cho việc thu hút đầu tư. Chính phủ cũng cam kết sẽ hỗ trợ các nhà đầu tư. Dự kiến năm 2020 Lào sẽ không còn nằm trong số các nước kém phát triển nữa.

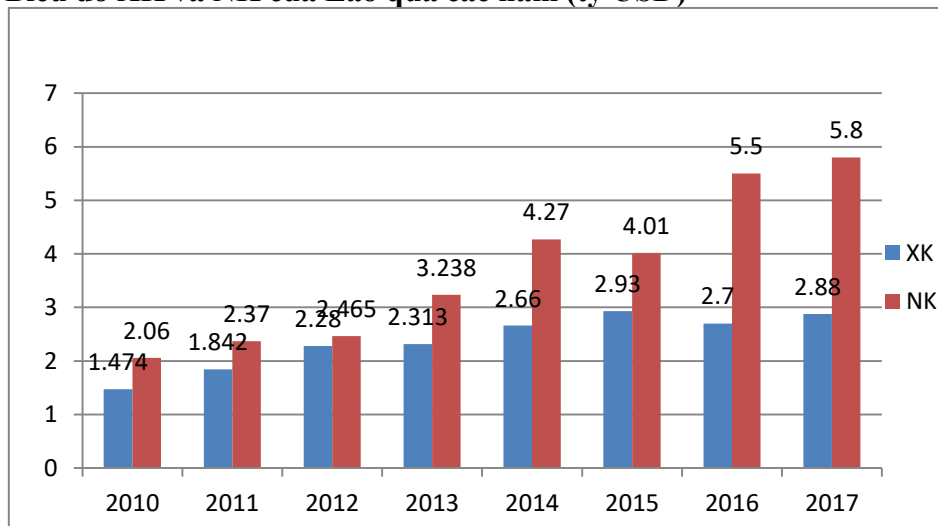
2. Các chỉ số kinh tế:

	2014	2015	2016	2017								
GDP (ppp) (tỷ USD) Tính theo tỷ giá 2017	35.43	38.11	46.03	49.21								
GDP (OER) (tỷ USD)	11.71	13.76	17.15									
Tăng trưởng GDP	7.5%	7.6%	7%	6.9%								
GDP theo đầu người (USD)	5,100	6,600	7,000	7,400								
GDP theo ngành	<table border="1"> <caption>GDP by Sector</caption> <thead> <tr> <th>Sector</th> <th>Percentage</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Dịch vụ</td> <td>39.1</td> </tr> <tr> <td>Công nghiệp</td> <td>33.2</td> </tr> <tr> <td>Nông nghiệp</td> <td>20.9</td> </tr> </tbody> </table>				Sector	Percentage	Dịch vụ	39.1	Công nghiệp	33.2	Nông nghiệp	20.9
Sector	Percentage											
Dịch vụ	39.1											
Công nghiệp	33.2											
Nông nghiệp	20.9											
Lực lượng lao động (triệu người)	3.445	3.53	3.5	3.58								
Phân bố lao động theo ngành	<table border="1"> <caption>Labor Distribution by Sector</caption> <thead> <tr> <th>Sector</th> <th>Percentage</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nông nghiệp</td> <td>73%</td> </tr> <tr> <td>Dịch vụ</td> <td>21%</td> </tr> <tr> <td>Công nghiệp</td> <td>6%</td> </tr> </tbody> </table>				Sector	Percentage	Nông nghiệp	73%	Dịch vụ	21%	Công nghiệp	6%
Sector	Percentage											
Nông nghiệp	73%											
Dịch vụ	21%											
Công nghiệp	6%											
Tỷ lệ thất nghiệp	1.3%	1.4%	1.5%	1.5%								
Tỷ lệ lạm phát	4.1%	1.3%	2%	2.3%								
Mặt hàng nông nghiệp	khoai lang, khoai tây, rau quả, ngũ cốc, cà phê, mía, thuốc lá, vải, chè, gạo, lạc, trâu nước, lợn, dê, gia cầm											

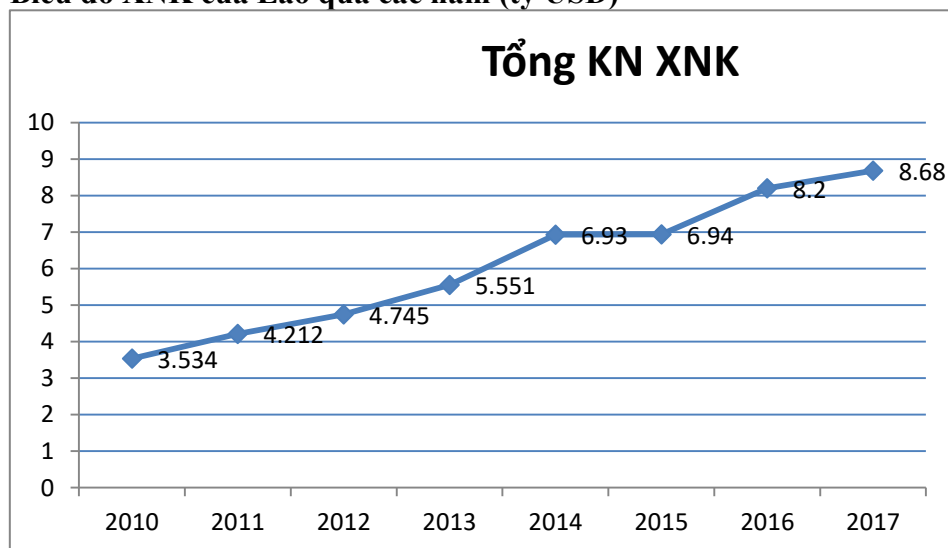


Các ngành công nghiệp	Đồng, thiếc, vàng, quặng, gỗ, điện, chế biến nông nghiệp, cao su, xây dựng, dệt may, xi măng, du lịch			
Tổng Kim ngạch XNK (tỷ USD)	6.93	6.94	8.2	8.68 Tăng 5.85%
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	2.66	2.93	2.7	2.88 Tăng 6.67%
Mặt hàng chính	sản phẩm gỗ, cà phê, điện, thiếc, đồng, vàng, sản dây			
Bạn hàng XK chính	Thailand 40.1%, China 28.5%, Vietnam 13.7%			
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	4.27	4.01	5.5	5.8 Tăng 5.45%
Mặt hàng chính	Máy móc thiết bị, xe cộ, khí đốt, hàng tiêu dùng			
Bạn hàng NK chính	Thailand 64.6%, China 16.5%, Vietnam 9.4%			

Biểu đồ XK và NK của Lào qua các năm (tỷ USD)



Biểu đồ XNK của Lào qua các năm (tỷ USD)





3. Thuận lợi và khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình đầu tư tại Lào:

a/ Thuận lợi:

- Hai nước có quan hệ kinh tế và chính trị đặc biệt. Do đó Chính phủ Lào rất ủng hộ và ưu tiên các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, kinh doanh tại Lào.
- Việt Nam và Lào gần gũi về địa lý, do đó hoạt động trao đổi về kinh tế cũng như đi lại, xuất nhập khẩu hàng hóa, lao động giữa 2 nước rất thuận lợi.
- Đất nước Lào có nhiều tiềm năng mà các doanh nghiệp Việt Nam có thể hợp tác đầu tư như: thủy điện, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, trồng cây công nghiệp, chế biến nông lâm sản...
- Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam rải rác ở các miền của Lào, hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp khó khăn.

b/ Khó khăn:

Nhìn chung, hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư của Lào đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện nên có nhiều thay đổi, không thống nhất, thiếu minh bạch và khó tiếp cận. Thêm vào đó, sự phối hợp giữa các ngành, giữa Trung ương và địa phương chưa linh hoạt, đồng bộ làm ảnh hưởng đến việc thực thi chính sách. Nhìn chung, trao đổi về việc đầu tư ban đầu giữa doanh nghiệp và các cơ quan có thẩm quyền của Lào rất thuận lợi nhưng khi triển khai, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về thủ tục hành chính, quy hoạch đất đai, sự thiếu nhất quán trong áp dụng chính sách, đặc biệt là các quy định do địa phương đặt ra và áp dụng ngoài các chính sách của nhà nước.

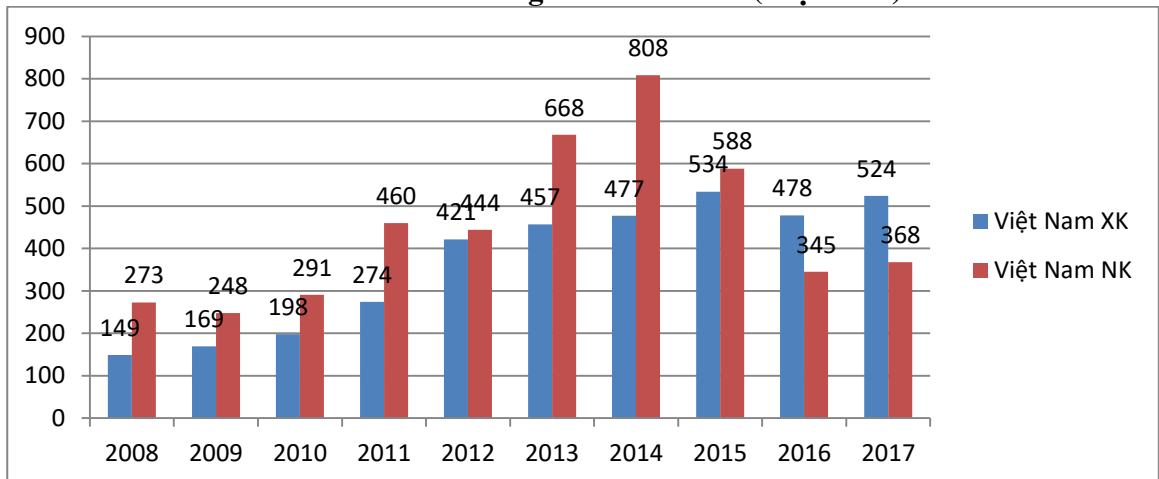
III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:

1. Hợp tác thương mại (Triệu USD)

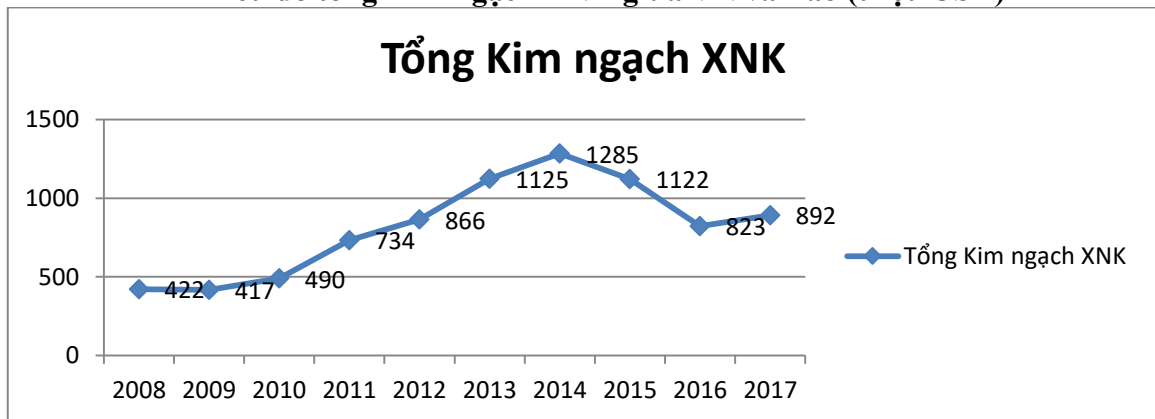
Năm	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập	Tổng KN	Mức tăng XNK	XK VN chiếm
2008	149	273	422		35.3%
2009	169	248	417	-1.9%	40.5%
2010	198	291	490	17%	40.4%
2011	274	460	734	49%	37.3%
2012	421	444	866	18%	48.6%
2013	457	668	1,125	30%	40.6%
2014	477	808	1,285	14%	37%
2015	534	588	1,122	-13%	48%
2016	478	345	823	-27%	58%
2017	524	368	892	8.38%	58.74%



Biểu đồ XK và NK giữa VN và Lào (triệuUSD)



Biểu đồ tổng Kim ngạch XNK giữa VN và Lào (triệu USD)



- Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính trong năm:

VN NK từ Lào	Giá trị (triệu USD)	Mức thay đổi % so với 2016
Phân bón các loại	46	17.95
Gỗ và sản phẩm gỗ	42	-46.84
Quặng và khoáng sản khác	27	-18.18
Kim loại thường khác	5	-87.18

VN XK sang Lào	Giá trị (triệu USD)	Mức thay đổi % so với 2016
Xăng dầu các loại	88	44.26
Sắt thép các loại	74	-2.63
Phương tiện vận tải phụ tùng	52	4.00
Sản phẩm từ sắt thép	39	
Máy móc thiết bị phụ tùng	30	
Phân bón các loại	15	
Sản phẩm từ chất dẻo	15	



Clanhke và xi măng	10	-33.33
--------------------	----	--------

Kim ngạch thương mại hai nước liên tục tăng trưởng theo từng năm, trong giai đoạn năm 2010-2014. Năm 2015, quan hệ thương mại hai nước đánh dấu bước tiến mới với việc hoàn tất đàm phán, ký kết hai Hiệp định Thương mại song phương, Hiệp định Thương mại biên giới Việt Nam – Lào.

Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, tăng trưởng kim ngạch thương mại song phương có chiều hướng giảm. Năm 2015, kim ngạch thương mại song phương đạt 1,123 tỉ USD, giảm 13% so với năm 2014 (1,285 tỉ USD). Sang năm 2016, kim ngạch thương mại hai nước chỉ đạt 823 triệu USD, giảm 27% so với năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu của sự sụt giảm kim ngạch thương mại là do cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu giữa hai nước chưa đa dạng, phụ thuộc chủ yếu vào một số mặt hàng chủ lực. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng thương mại biên giới còn nhiều yếu kém, nhất là hệ thống chợ và hạ tầng kỹ thuật, trong khi doanh nghiệp hai nước chưa tham gia sâu vào hệ thống phân phối của nhau.

Trải qua một chặng đường dài, quan hệ thương mại của hai nước đã đạt được những thành tựu nhất định và đang ngày càng phát triển. Sau thời kỳ sụt giảm trong năm 2015-2016, năm 2017, kim ngạch thương mại song phương Việt Lào đã tăng trưởng trở lại, đạt gần 900 triệu USD, tăng hơn 8% so với năm 2016.

2. Về viện trợ không hoàn lại của ta cho Lào

Thoả thuận được ký kết tại kỳ họp thứ 24 của Ủy ban Liên chính phủ về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật Việt Nam - Lào (diễn ra các ngày 14-15/1/2012 tại Viêng Chăn). Việt Nam sẽ viện trợ không hoàn lại 105 tỷ đồng cho Lào trong năm nay, tập trung vào các dự án giáo dục - đào tạo, nông - lâm nghiệp, thủy lợi và y tế. (Theo *Người Lao Động*)

Về đầu tư của ta sang Lào:

Mặc dù khủng hoảng kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam, tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang mở rộng đầu tư sang Lào. FDI của ta sang Lào tăng mạnh cả về số lượng dự án cũng như tổng giá trị đầu tư.

Tính đến hết năm 2011, FDI của Việt nam vào Lào đạt trên 3.4 tỉ USD. Riêng năm 2011 là 480 triệu USD. Các khu vực Trung và Nam của Lào thu hút tới 163 dự án của Việt Nam, chiếm 78% tổng số dự án của ta đầu tư sang Lào. Năm 2013, các doanh nghiệp VN đã đầu tư vào Lào 412 dự án với tổng vốn đầu tư 5,012 tỉ USD, thuộc nhóm dẫn đầu trong số 52 quốc gia và vùng lãnh thổ có doanh nghiệp đầu tư tại Lào

Tính đến hết tháng 09/2016, Việt Nam đã có 266 dự án được cấp phép đầu tư sang Lào với tổng số vốn đăng kí là 5,1 tỷ USD.

Một số các dự án đầu tư lớn của Việt Nam sang Lào:

Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai đầu tư vào các dự án về trồng mía đường, cao su, dầu cọ.

Nhà máy chế biến mủ caosu của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam. Nhà máy có công suất 24.000 tấn mủ mỗi năm; vùng nguyên liệu trên 10.000ha caosu, trong đó 1.642ha đã cho



khai thác, tạo việc làm thường xuyên cho 3.000 lao động tại tỉnh Champasak, thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển.

Đài chuyên tiếp phát thanh-phát hình khu vực Paksong. Đây là công trình do Đài Truyền hình Việt Nam là chủ dự án bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Việt Nam, góp phần đưa chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước Lào đến với các vùng sâu vùng xa, nâng cao đời sống nhân dân các tỉnh Nam Lào.

Những lĩnh vực có nhiều triển vọng hợp tác là sản xuất vật liệu xây dựng, hóa chất, thuốc chữa bệnh, trồng trọt và một số hàng tiêu dùng khác.

FDI Lào vào VN:

Tính đến hết năm 2017, Lào có 9 dự án vào Việt Nam với tổng vốn đăng ký 92.46 triệu USD. Xếp thứ 47 trong 125 quốc gia và vùng Lãnh thổ có đầu tư vào VN, và xếp thứ 7 trong số các nước ASEAN. Riêng năm 2017, Lào chỉ có 1 lượt góp vốn mua cổ phần với giá trị góp vốn 0.4 triệu USD.

4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:

Ngày càng khởi sắc và có hiệu quả hơn. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước năm 2008 đạt 423 triệu USD, tăng 35% so với năm 2007. Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam-Lào năm 2011 đạt hơn 734 triệu USD. Tháng 01/2009, hai bên đã ký Bản thoả thuận về ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt-Lào năm 2009; tiếp tục thực hiện miễn giảm thuế từ 0-50% đối với mặt hàng có xuất xứ của hai nước. Hoạt động đầu tư diễn ra sôi nổi, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã quan tâm tới thị trường Lào. Doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục được duy trì ở một trong 3 vị trí dẫn đầu về đầu tư tại Lào. Đầu tư của Việt Nam tại Lào thông qua nhiều loại hình hoạt động, ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó đầu tư vào mỏ, năng lượng và nông nghiệp chiếm khoảng 75%.

Đến năm 2016, kim ngạch thương mại hai nước chỉ đạt 823 triệu USD, giảm 27% so với năm 2015. Sang 2017, kim ngạch thương mại đã tăng hơn 8% đạt mức 892

IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

1. Quan hệ ngoại giao:

Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức: 06/8/1976

Quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam-Lào tiếp tục được tăng cường, phát triển.

2. Quan hệ chính trị:

Hai bên đã trao đổi nhiều chuyến thăm cấp cao và các cấp ngành, địa phương; đặc biệt là các chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước CHDCND Lào Chum-ma-ly Xay-nha-xôn 19-22/6/2006; chuyến thăm hữu nghị chính thức Lào của Tổng Bí



thư Nông Đức Mạnh 10-13/10/2006 đã mở ra thời kỳ mới cho quan hệ hai nước sau khi cả hai nước kết thúc thắng lợi Đại hội Đảng ở mỗi nước. Tần suất các chuyến thăm lẫn nhau của lãnh đạo cấp cao hai nước từ sau Đại hội Đảng ở mỗi nước năm 2006 đến nay ngày càng cao: tất cả các đồng chí lãnh đạo hai nước đã sang thăm chính thức lẫn nhau.

3. Các văn kiện đã ký:

- Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác với Việt Nam (18/7/1977);
- Hiệp ước hoạch định biên giới 7/1977;
- Hiệp định Lãnh sự 1985;
- Hiệp định về quy chế biên giới 1990;
- Hiệp định Hợp tác Kinh tế-Văn hóa-Khoa học Kỹ thuật giai đoạn 1992-1995 (2/1992);
- Hiệp định về Kiều dân (1/4/1993);
- Hiệp định quá cảnh hàng hóa (23/4/1994);
- Hiệp định Hợp tác lao động (29/6/1995);
- Hiệp định Hợp tác Kinh tế-Văn hóa-Khoa học Kỹ thuật giai đoạn 1996-2000 (14/1/1996);
- Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư (14/01/1996);
- Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần (14/1/1996);
- Hiệp định Vận tải đường bộ (26/02/1996);
- Hiệp định về trao đổi nhà trụ sở và nhà ở của cơ quan đại diện (01/4/1996);
- Hiệp định về hợp tác nông lâm và phát triển nông thôn năm 1997 và giai đoạn 1998-2000 (12/8/1997);
- Hiệp định bổ sung và sửa đổi quy chế biên giới (8/1997);
- Hiệp định hợp tác Thương mại và du lịch (3/1998);
- Hiệp định Quy chế tài chính và quản lý các chương trình dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào (3/1998);
- Hiệp định tương trợ tư pháp (06/7/1998);
- Hiệp định hợp tác chống ma túy (06/7/1998);
- Hiệp định hợp tác về năng lượng-điện (06/7/1998);
- Bản thoả thuận Chiến lược Hợp tác Kinh tế, Văn hoá, Khoa học Kỹ thuật giữa hai Chính phủ Việt Nam - Lào giai đoạn 2001-2010 (6/2/2001);
- Hiệp định Hợp tác Kinh tế, Văn hoá, Khoa học Kỹ thuật giữa hai Chính phủ Việt Nam-Lào giai đoạn 2001-2005 (6/2/2001);



- Hiệp định tín dụng xây dựng đường 18B (7/2001);
- Thoả thuận giữa Việt Nam và Lào về Quy chế sử dụng cảng Vũng Áng (7/2001);
- Nghị định thư sửa đổi, bổ sung Hiệp định vận tải đường bộ ký ngày 24/02/1996 (7/2001);
- Nghị định Thư 2001 thực hiện Hiệp định đường bộ sửa đổi (7/2001);
- Nghị định Thư về Hợp tác Đào tạo cán bộ giữa 2 nước (01/2002);
- Thoả thuận về cơ chế tài chính và quản lý dự án sử dụng viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào (01/2002);
- Thoả thuận Viênng Chăn (8/2002);
- Hiệp định miễn thị thực cho công dân mang hộ chiếu phổ thông (ký ngày 05/4/2004 có hiệu lực từ ngày 01/7/2004);
- Hiệp định bổ sung Hiệp định tín dụng số Việt Lào-01 giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào (16/7/2004);
- Hiệp định về Hợp tác Kinh tế, Văn hóa, Khoa học Kỹ thuật giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ CHDCND Lào giai đoạn 2006-2010 (04/ 01/2006);
- Hiệp định Tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Việt Nam và Lào (23/4/2009);
- Thoả thuận về Chiến lược hợp tác giữa Việt Nam và Lào tại hai tỉnh Hủa Phăn và Xiêng Khoảng đến năm 2020 (12/2012);
- Nghị định thư sửa đổi Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ CHDCND Lào về khuyến khích và Bảo hộ đầu tư (12/2012);
- Thoả thuận giữa hai Chính phủ về giải quyết vấn đề di cư tự do và kết hôn không giá thú tại khu vực biên giới hai nước Việt Nam-Lào (08/7/2013);
- Hiệp định hợp tác lao động giữa Chính phủ Việt Nam và Lào, Thoả thuận hợp tác về lao động và phúc lợi giữa Bộ Lao động và Thương binh Xã hội Việt Nam với Bộ Lao động và Phúc lợi Xã hội Lào (7/2013).
- Thoả thuận hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao (12/2014).
- Hiệp định Thương mại Việt Nam – Lào (3/2015)/.

Ngoài ra hai bên đã ký một số hiệp định hợp tác về du lịch, hàng không; Cơ chế chung về hợp tác kinh tế văn hóa KHKT; Cơ chế thanh toán; Cơ chế đào tạo cán bộ; Cơ chế quản lý về thương mại, du lịch; Thoả thuận về hợp tác chuyên gia; Thoả thuận về quản lý thuế quan đối với hàng hóa và phương tiện quá cảnh và phối hợp chống buôn lậu ở biên giới hai nước; Thoả thuận hợp tác giữa Bộ Tài chính Lào và Tổng cục hải quan Việt Nam.

V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã ký thoả thuận hợp tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Quốc gia Lào LNCCI vào tháng 11 năm 2000, tại Hà Nội.



VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

❖ Đại sứ quán Việt Nam tại Lào:

Địa chỉ: No. 85, 23 Singha Road, Saysettha Dist., Vientiane

Điện thoại: 990994, 85, 87,86 | Fax: 413 379, 413 6720

Code: 00-856-21 | email: vnemba.la@mofa.gov.vn |

website:

<https://vnembassy-vientiane.mofa.gov.vn/vi-vn/embassy/EmbassyStaffs/Trang/default.aspx>

Đại sứ: Nguyễn Bá Hùng

Tham tán Thương mại : Trần Bảo Giám

Tel : 856 21454742

F : 856 21454743

Email : la@moit.gov.vn, vietrade@laotel.com

❖ Đại sứ Quán Lào tại Việt Nam

Đ/c: 22 Trần Bình Trọng, HBT, HN

Tel: 39424576 | Fax: 38228414

Website: <http://www.embalaohanoi.gov.la/>

Đại sứ: Ngài Thongsavanh Phomvihane

Tham tán Thương mại: Ông Somevang Ninthavong

❖ Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Savanakhet:

Địa chỉ: 418 Si-sà-vàng-vông, Mường Khăn-tha-bu-li, Savanakhet

Điện thoại: 212 418 Fax: 212 182

Code: 00-856 – 41

❖ Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Paksé:

Địa chỉ: 31 Ban Pha Bạt, Paksé

Điện thoại: 212 058 | Fax: 212 827

Code: 00-856 – 31

❖ Laos National Chamber of Commerce and Industry (LNCCI)

74 Inpeng Street, Vatchan, Chanthabury District

P.O.Box: 4148, Vientiane Lao PDR

Tel: 856-212823; +856-261668. Fax: 856-21241062

LNCCI, Foreign Relation Division

Kayson phomvihane Ave., Ban Phonphanao Saysettha District, Vientiane Capital, Lao PDR; P.O.Box: 4596

Tel: (+856 - 21) 453 312-115, 452 579 Fax: (+856 - 21) 452 580

Email: lncci@laopdr.com

❖ Các nguồn thông tin tham khảo

* Website [*CIA – The World Factbook*](#)

* Website [*Bộ Ngoại giao Việt Nam*](#)

* Website [*Tổng cục Thống kê Việt Nam*](#)



* Website Tổng cục Hải quan Việt Nam



PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Lào

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 12 năm 2017

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
LÀO			51.129.001		524.514.696
Hàng rau quả	USD		857.617		7.932.098
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		895.482		8.364.178
Clanhke và xi măng	Tấn	13.130	885.273	163.844	10.812.908
Than đá	Tấn	491	67.267	60.969	5.305.058
Xăng dầu các loại	Tấn	15.376	9.640.963	158.706	88.583.014
Phân bón các loại	Tấn	1.905	630.073	56.558	15.090.998
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		1.173.536		15.624.104
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		430.103		4.848.539
Hàng dệt, may	USD		467.086		5.966.537
Sản phẩm gốm, sứ	USD		785.072		8.291.530
Sắt thép các loại	Tấn	10.273	7.138.515	108.972	74.457.264
Sản phẩm từ sắt thép	USD		4.270.487		38.977.931
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		438.702		6.718.275
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		2.447.487		30.860.744
Dây điện và dây cáp điện	USD		1.400.055		9.028.876
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		4.759.702		52.695.465
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	USD		46.883		747.220



Bảng 2. Nhập khẩu VN – Lào

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU

Tháng 12 năm 2017

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
LÀO			35.958.440		368.410.152
Ngô	Tấn			2.380	455.900
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	36.566	1.591.980	492.021	27.833.716
Phân bón các loại	Tấn	17.129	3.758.093	217.625	46.684.613
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		5.229.232		42.039.987
Kim loại thường khác	Tấn	462	792.333	4.062	5.611.780